BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 326 /GPMT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 09/03/CV-SG.KTCĐ/22, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy Sữa Sài Gòn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án "Nhà máy Sữa Sài Gòn, nâng công suất từ 64.800 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm".

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy Sữa Sài Gòn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Nhà máy Sữa Sài Gòn, nâng công suất từ 64.800 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm" địa chỉ tại Lô 1-18, Khu G1, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, hương lộ 80, phường Hiệp Thành, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Sữa Sài Gòn, nâng công suất từ 64.800 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 1-18, Khu G1, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, hương lộ 80, phường Hiệp Thành, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5050357384 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 8 năm 2001, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 7 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569-019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 8 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0300588569-019.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến sữa và các thành phần từ sữa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích của Dự án khoảng 34.004 m^2.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 300.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy Sữa Sài Gòn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy Sữa Sài Gòn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày *29* tháng *11* năm 2022 đến ngày *28* tháng *11* năm 2032).

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND Tp.HCM (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT Tp.Hồ Chí Minh;
- Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp Tp.HCM;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng tiếp nhận và TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy Sữa Sài Gòn;
- Lưu: VT, TCMT, Th.20.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không đi qua bể tự hoại như từ hoạt động rửa, tắm, giặt):

- Nguồn số 01: Khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực văn phòng của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Khu vực nhà bảo vệ.
- Nguồn số 04: Khu vực nhà giặt.

1.2. Các nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn số 05: Dây chuyền sản xuất sữa chua ăn số 01.
- Nguồn số 06: Dây chuyền sản xuất sữa chua ăn số 05.
- Nguồn số 07: Dây chuyền sản xuất sữa chua uống Su Su.
- Nguồn số 08: Dây chuyền sản xuất sữa chua uống Probi 65 ml số 01.
- Nguồn số 09: Dây chuyền sản xuất sữa chua uống Probi 65 ml số 02.
- Nguồn số 10: Dây chuyền sản xuất sữa chua uống Probi 130 ml.
- Nguồn số 11: Dây chuyền sản xuất sữa chua ăn số 02.
- Nguồn số 12: Dây chuyền sản xuất sữa chua ăn số 03.
- Nguồn số 13: Dây chuyền sản xuất sữa chua ăn số 04.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp (KCN).

2.2. Vị trí xả nước thải: Điểm đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN tại phường Hiệp Thành, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.203.351 m; Y = 679.061 m (tọa độ điểm đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.716 m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống dẫn bằng nhựa về vị trí đấu nối nước thải của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung KCN.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Đáp ứng tiêu chuẩn đấu nối và các điều kiện trong hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với chủ đầu tư KCN.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến 04): Nước đen được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn sau đó nhập chung với nước xám và tự chảy theo hệ thống đường ống thu gom nước thải trong nội bộ Nhà máy về Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý.

- Các nguồn phát sinh nước thải sản xuất (từ nguồn số 05 đến 13): Được thu gom bằng đường ống trong nội bộ Nhà máy về Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý.

- Trường hợp tổng lượng nước thải của các nguồn thải > 1.000 m^3/ngày.đêm, một phần nước thải của các nguồn nước thải sản xuất sẽ được bơm trực tiếp vào đường ống đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN, dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý theo hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải giữa Nhà máy và chủ đầu tư hạ tầng KCN.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Số lượng: 07 bể.

- Công suất thiết kế: tổng thể tích 43 m^3/07 bể, trong đó 03 bể tại khu vực văn phòng thể tích 17 m^3; 02 bể tại nhà bảo vệ, thể tích 12 m^3; 01 bể tại nhà giặt, thể tích 7 m^3; 01 bể tại khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải, thể tích 07 m^3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Lưới chắn rác → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Hệ lắng bùn kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng → Ngăn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.000 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4, Polymer, PAC, Xút, dung dịch KCl (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm nêu tại mục 2.3 phần A Phục lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Không thuộc đối tượng phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.

- Định kỳ hằng năm thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng hệ thống thu gom, tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty đã vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành và đã báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nước ngưng tụ từ hơi nước trong không khí từ hệ thống điều hòa được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa).

3.2. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Lò hơi dự phòng (đốt bằng nhiên liệu dầu FO).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: ống khói khí thải lò hơi dự phòng, tọa độ vị trí xả khí thải:

X = 1.203.945 m; Y = 596.042 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.000 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ với các hệ số K_p = 0,9 và K_v = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**180**	Không thuộc đối tượng	
2	NO_x	mg/Nm^3	**765**		
3	SO_2	mg/Nm^3	**450**		
4	CO	mg/Nm^3	**900**		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ lò hơi dự phòng được thu gom về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi→ Ống thu gom → Tháp hấp thụ → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 25.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Xút (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm nêu tại mục 2.2 phần A Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Bảo đảm vận hành đúng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty đã vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải của 01 lò hơi dự phòng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành và đã báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.2. Đối với các nguồn khí thải khác: Không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ 03 máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại khu vực riêng biệt bên ngoài nhà xưởng sản xuất) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch) trong mọi trường hợp.

- Từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, bảo vệ, nhà xưởng sản xuất do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.3. Thực hiện việc theo dõi, giám sát nhiệt độ và lưu lượng khí thải đảm bảo không vượt giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Quyết định số 2603/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy Sữa Sài Gòn, nâng công suất từ 64.800 tấn sản phẩm/năm lên 300.000 tấn sản phẩm/năm".

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Các thiết bị, máy móc lắp đặt tại phân xưởng sản xuất số 01 gồm: 04 dây chuyền sản xuất sữa chua uống, 02 dây chuyền sản xuất sữa chua ăn.

- Nguồn số 02: Các thiết bị, máy móc lắp đặt tại phân xưởng sản xuất số 02 gồm: 03 dây chuyền sản xuất sữa chua ăn.

- Nguồn số 03: Các máy phát điện lắp đặt tại khu vực máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 04: Máy móc, thiết bị đặt tại nhà giặt.

- Nguồn số 05: Các máy bơm lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 06: Các máy nén, máy ép lắp đặt tại khu vực thiết bị động lực.

- Nguồn số 07: Lò hơi dự phòng (phát sinh không thường xuyên).

2. Vị trí tọa độ đại diện của các nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.203.309 m; Y = 678.918 m.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1.203.370 m; Y = 678.912 m.

- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1.203.251 m; Y = 678.993 m.

- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1.203.225 m; Y = 678.996 m.

- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 1.203.334 m; Y = 679.043 m.

- Nguồn số 06: Toạ độ: X = 1.203.299 m; Y = 679.022 m.

- Nguồn số 07: Toạ độ: X = 1.203.274 m; Y = 679.009 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên cải tiến, bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	3.000
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	2.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	1.200
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	500
5	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	500
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20.000
7	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	16 01 06	500
8	Mực thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 01	2.000
9	Hộp mực in (có chứa thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 04	100
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	50
11	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi có chứa các thành phần nguy hại	04 02 01	50
12	Pin, ắc quy thải	16 01 12	50
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	50
14	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắt nhọn)	13 01 01	10
15	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	20
16	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	10
17	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	17 05 01	200
18	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	60
Tổng cộng			**30.300**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, có ký hiệu TT-R, được phép tái sử dụng, sử dụng trực tiếp):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại	12 06 13	1.500.000
2	Hộp chứa mực in thải (loại không có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	08 02 08	100
	Tổng khối lượng		**1.500.100**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **200 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khoảng: 18 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, nền bê tông chống thấm, có mái che, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại được đưa lên Cyclo chứa bùn bằng hệ thống bơm tải bùn.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được xếp trực tiếp lên các pallet.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Thể tích Cyclo chứa bùn khoảng: 20 m^3.

- Diện tích kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng: 35 m^2; Thiết kế, cấu tạo kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: có tường bao, nền bê tông chống thấm, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khoảng: 45 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, nền bê tông chống thấm, có mái che.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với lò hơi dự phòng, khi áp suất cao quá mức cho phép, tiến hành giảm cường độ đốt, mở van xả khí, xả đáy gián đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.

- Định kỳ kiểm tra, kiểm định thiết bị đúng theo quy định, vệ sinh các đường ống có chương trình giám sát, theo dõi hoạt động của dây chuyền, thiết bị sản xuất.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.